

## 2.1. Dạng câu hỏi về MỆNH ĐỀ QUAN HỆ

- Với dạng câu hỏi này ta chỉ cần xét xem trong câu đã có động từ chính chưa. Nếu đã có động từ chính rồi thì chỗ trống cần một mệnh đề quan hệ hoặc cần động từ chia theo rút gọn mệnh đề quan hệ.

- Có 4 cách để rút gọn mệnh đề quan hệ:

### a) Using present participle (sử dụng hiện tại phân từ - V-ing)

- Dùng khi đại từ quan hệ đóng vai trò làm chủ ngữ và động từ trong mệnh đề quan hệ ở thể chủ động.

- Ta dùng present participle phrase thay cho mệnh đề đó (bỏ đại từ quan hệ và trợ động từ, đưa động từ chính về nguyên mẫu rồi thêm -ing).

#### Ví dụ 1:

The man who is sitting next to you is my uncle.

↳ The man sitting next to you is my uncle.

#### Ví dụ 2:

She is the scientist who discovered a much more efficient method for renewable energy production.

↳ She is the scientist discovering a much more efficient method for renewable energy production.

### b) Using past participle phrases (sử dụng quá khứ phân từ - Vp2)

- Dùng khi đại từ quan hệ đóng vai trò làm chủ ngữ và động từ trong mệnh đề quan hệ ở thể bị động.

- Ta dùng past participle phrase thay cho mệnh đề đó (bỏ đại từ quan hệ, trợ động từ và bắt đầu cụm từ bằng past participle).

#### Ví dụ 3:

The company, which was founded over a century ago, continues to dominate the technology industry.

↳ The company, founded over a century ago, continues to dominate the technology industry.

### c) Using "to infinitive" (dùng to V (nguyên dạng))

- Khi đại từ quan hệ thay thế cho các danh từ có chứa **số thứ tự** như: *first, second, next, third, last, only* hoặc **so sánh nhất**.

#### Ví dụ 4:

She was the last person that was interviewed this morning.

↳ She was the last person to be interviewed this morning.

#### Ví dụ 5:

She is the most suitable person who can take on this job.

↳ She is the most suitable person to take on this job.

### d) Using noun phrases (cụm danh từ)

- Mệnh đề quan hệ không xác định có thể được rút gọn bằng cách dùng cụm danh từ.

#### Ví dụ 6:

Mrs Flora, who is a rich businesswoman, will sponsor our competition.

↳ Mrs Flora, a rich businesswoman, will sponsor our competition.

#### Ví dụ 7:

I live in Ha Noi, which is the capital of Vietnam.

↳ I live in Ha Noi, the capital of Vietnam.

+) Ví dụ minh họa cho dạng câu hỏi này trong bài đọc lỗ 5 câu:

#### Ví dụ:

*Sophia the Robot is the latest humanlike robot created by a Hong Kong-based company \_\_\_\_\_. Undoubtedly, Sophia together with other humanlike robots represents the rapid advancement in the field of robotics and artificial intelligence.*

- A. whose combined efforts in AI research, engineering, and design have given birth to robots
- B. succeeded in bringing robots to life by combining research in AI, engineering, and design
- C. brought robots to life thanks to its accomplishments in AI research, engineering, and design
- D. of which the joint efforts in AI research, engineering, and design in building robots

**Lời giải chi tiết:**

★ **Kiến thức về mệnh đề quan hệ:**

- Căn cứ vào động từ chính "is" ta suy ra chỗ trống cần một mệnh đề quan hệ hoặc cần động từ chia theo rút gọn mệnh đề quan hệ.

★ **Xét các phương án:**

- Nếu ta chọn đáp án B ta sẽ hiểu rằng động từ "succeeded" đang chia ở dạng rút gọn mệnh đề quan hệ hay ở thể bị động. Tuy nhiên, "succeed" là nội động từ nên không có dạng bị động. Còn nếu ta hiểu "succeeded" đang chia ở thì quá khứ đơn thì câu sẽ có 2 động từ cùng là động từ chính. Nhưng trong một câu đơn chỉ có một động từ được chia theo động từ chính của câu nên B sai.

- Nếu ta chọn đáp án C, ta thấy "bring something to life" là một cụm cố định có nghĩa là làm cho cái gì đó trở nên sống động, thú vị hoặc thực tế hơn. Như vậy, ta sẽ hiểu "brought" là động từ chính, đang được chia ở thì quá khứ đơn và câu này sẽ có 2 động từ cùng là động từ chính. Nhưng trong một câu đơn chỉ có một động từ được chia theo động từ chính của câu nên C sai.

- Xét phương án D (of which the joint efforts in AI research, engineering, and design in building robots), ta thấy mệnh đề quan hệ này chưa có động từ chính nên D sai.

- Ta có: whose là đại từ quan hệ chỉ sở hữu. Whose đứng sau danh từ chỉ người hoặc vật và thay thế cho tính từ sở hữu trước danh từ. Cụ thể ở đây, "whose" ám chỉ sự sở hữu của "company".

★ **Tạm dịch:**

*Sophia the Robot is the latest humanlike robot created by a Hong Kong-based company whose combined efforts in AI research, engineering, and design have given birth to robots.*

*(Robot Sophia là robot giống người mới nhất được một công ty có trụ sở tại Hồng Kông tạo ra, công ty mà kết hợp những nỗ lực trong nghiên cứu, chế tạo và thiết kế AI để cho ra đời những chú robot.)*

⇒ Do đó, A là đáp án phù hợp.

**BÀI TẬP VẬN DỤNG**

**Read the following paragraphs and mark the letter A, B, C or D to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 10.**

**Question 1:** Social media has become an integral part of modern life, shaping the way people communicate and perceive themselves. However, excessive use has been linked to anxiety, depression, and low self-esteem. The constant exposure to curated content creates unrealistic expectations, (1) \_\_\_\_\_.

- A. causes people to perceive themselves negatively in comparison to others
- B. that makes people evaluate themselves negatively when measuring up to others
- C. which leads individuals to compare themselves unfavorably with others
- D. results in individuals viewing themselves as inferior to their peers

**Question 2:** As urban populations continue to grow, cities face increasing pressure to develop sustainably. The demand for housing, transportation, and public services must be met without depleting natural resources or worsening climate change. Many cities have embraced green architecture and smart technologies, (2) \_\_\_\_\_.

- A. seeking to create a balance between urbanization and environmental preservation
- B. which strives to maintain equilibrium between city expansion and environmental sustainability
- C. have worked towards a sustainable coexistence of urbanization and ecological protection
- D. aim to harmonize urban growth with ecological conservation

**Question 3:** Loneliness, often underestimated, is a growing public health concern. Studies suggest that chronic loneliness has effects comparable to smoking or obesity, significantly increasing the risk of heart disease and mental health disorders. Addressing this issue requires social policies (3) \_\_\_\_\_.

- A. aimed to fostering community engagement and support networks
- B. is intended to enhance communal involvement and strengthen support networks
- C. which are aimed at increasing public engagement and expanding social support systems
- D. in which focus encouraging active community involvement and developing support structures

**Question 4:** Modern society offers an overwhelming array of choices, from everyday products to major life decisions. While having options is generally beneficial, too many choices can lead to decision fatigue and dissatisfaction. This paradox, identified by psychologists, (4) \_\_\_\_\_.

- A. makes consumers second-guess their decisions and experience regret
- B. which results in consumers questioning their choices and regretting them
- C. provoking uncertainty in consumers regarding their decisions, often leaves them regretful
- D. which causes consumers to doubt their choices feel remorse

**Question 5:** Technological advancements have transformed the nature of work, making remote jobs and flexible schedules increasingly common. While these changes offer convenience, they also blur the line between personal and professional life. Employers must establish clear boundaries, (5) \_\_\_\_\_.

- A. ensure employees' well-being and productivity
- B. which ensures employees' well-being and productivity
- C. ensuring employees' well-being and productivity
- D. that ensures employees' well-being and productivity

**Question 6:** Storytelling has been an integral part of human culture for centuries, serving as a means of preserving history, imparting wisdom, and fostering social connections. From ancient myths to modern cinema, stories shape worldviews and values. In today's digital era, the way stories are consumed and shared (6) \_\_\_\_\_, raising questions about authenticity and cultural preservation.

- A. is evolving with the rise of online platforms
- B. by which is transforming due to technological advancements
- C. that evolves to meet the demands of modern audiences
- D. evolved in response to cultural and technological shifts

**Question 7:** Coral reefs, often referred to as the "rainforests of the sea," are among the most diverse ecosystems on Earth. However, they are facing unprecedented threats due to climate change, ocean acidification, and human activities. The Great Barrier Reef, for instance, has suffered from severe bleaching events, (7) \_\_\_\_\_.

- A. has compelled researchers to implement critical protection strategies
- B. which has prompted scientists to seek urgent conservation measures
- C. pushed scientists to devise emergency conservation plans
- D. whose scientists to take urgent action for conservation

**Question 8:** Streaming services have revolutionized the entertainment industry, rendering traditional television increasingly obsolete. Platforms like Netflix, Disney+, and Amazon Prime Video offer on-demand access to a vast library of content. However, the growing number of exclusive shows and platform restrictions has led to a phenomenon known as "subscription fatigue," (8) \_\_\_\_\_.

- A. leaving many users frustrated
- B. which causing frustration among many users
- C. whose result in widespread user dissatisfaction
- D. makes many users feel frustrated

**Question 9:** As fossil fuel resources dwindle and environmental concerns intensify, nations worldwide are accelerating their transition to renewable energy. Solar, wind, and hydroelectric power have gained traction, but infrastructure challenges remain. One major hurdle is energy storage (9) \_\_\_\_\_.

- A. hinders the widespread adoption of renewable energy
- B. that challenges to large-scale implementation of renewable energy
- C. which makes large-scale renewable adoption difficult
- D. impeded the transition to widespread renewable energy use

**Question 10:** Social media has redefined self-perception, blurring the lines between reality and fiction. Platforms such as Instagram and TikTok encourage users to curate their lives meticulously, often presenting an idealized version of reality. This widespread practice, (10) \_\_\_\_\_, has been linked to rising levels of anxiety and low self-esteem.

- A. which is referred to as 'social media perfectionism'
- B. whose identification as a phenomenon called 'social media perfectionism'
- C. is commonly called 'social media perfectionism'
- D. termed with 'social media perfectionism'